TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31/01/2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phú Chánh Thể.

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trương Hoài P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Diệu H trình bày:

Chị và anh Trương Hoài P tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/9/2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Từ đó, giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay giữa chị và anh P không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh P có 02 con chung là Trương Thị Thùy T, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Gia N, sinh ngày 29/6/2020 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Diệu H. Chị H được ly hôn với anh Trương Hoài P. Giao hai con chung là Trương Thị Thùy T, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Gia N, sinh ngày 29/6/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Tài sản chung, nợ chung chị H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Diệu H có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Hoài P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/9/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống với nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng ngày càng gay gắt hơn do bất đồng quan điểm giữa hai người. Nếu cứ kéo dài tình trạng cuộc sống vợ chồng như hiện tại thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để động viên chị H và anh P đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua đó, cho thấy anh P cũng không mong muốn được đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, chị H đã khẳng định giữa vợ chồng chị mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình*: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...*". Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị H và anh P đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện trong cuộc sống hôn nhân của H và anh P cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cự cãi nhau. Anh chị đã ly thân với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Giữa chị H và anh P có hai con là Trương Thị Thùy T, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Gia N, sinh ngày 29/6/2020, hiện đang sống với chị H. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Do anh P vắng mặt nên giữa chị H và anh P không có sự thỏa thuận về việc nuôi con. Xét thấy hiện tại chị H đang nuôi cả hai con, đồng thời sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Thùy T cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, đối với cháu Gia N thì chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao hai cháu Trương Thị Thùy T và Trương Gia N cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Diệu H. Chị Trần Thị Diệu H được ly hôn với anh Trương Hoài P.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thùy T, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Gia N, sinh ngày 29/6/2020 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011097 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Gẩm